

Duyên Lành Của Tôi

Với Ngành Thư-Viện-Học:

Phần 2: Tại Canada

Lâm Vĩnh-Thế, M.L.S.
Librarian Emeritus
University of Saskatchewan
CANADA

Làm Lại Cuộc Đời Từ Hai Bàn Tay Trắng

Khi bước chân xuống Phi trường Mirabel, tại Thành phố Montréal, Tỉnh bang Québec, Canada, vào buổi chiều ngày Thứ Tư, 23-9-1981, tôi thật sự đã đến với hai bàn tay trắng, không một xu dính túi (hoàn toàn đúng nghĩa của chữ “penniless” trong tiếng Anh). Không những thế, tôi còn đang nợ Cơ Quan IOM (International Organization for Migration) gần 4.000 đô la Canada tiền 4 vé cho chuyến bay của gia đình tôi từ Việt Nam sang Canada. Tuy vậy tôi không hề bi quan, mà ngược lại, tôi thấy thật sự vui mừng vì biết rằng tôi đã có cơ hội làm lại cuộc đời, tuy sẽ không phải dễ dàng gì nhưng tôi tin chắc tôi sẽ làm được.

Nhờ sự giúp đỡ của Anh Tư tôi, gia đình tôi đã tạm thời có nơi ăn chốn ở và hai đứa con trai của vợ chồng tôi đã được đi học lại. Tôi cố gắng tìm việc làm trong ngành thư viện nhưng không có kết quả với gần 80 đơn xin việc được gửi đi nhưng hoàn toàn không có hồi âm (nhờ vậy tôi mới được biết một sự thật phũ phàng là tại tỉnh bang Québec người ta hoàn toàn không có cảm tình với những người đã học và có văn bằng của Hoa Kỳ, nói khác đi họ kỳ thị tiếng Anh, và chuyện này về sau đã trở thành chính sách khi Đảng Québécois (Parti Québécois) lên nắm quyền). Nhờ sự giới thiệu của Chị Hai tôi,^[1] lúc đó làm thư ký kế toán của Công ty Nivel, tôi đã nhận được một công việc làm lao động chân tay trong một kho hàng của hãng Nivel ở Montréal: mỗi ngày làm từ 4 giờ chiều đến 12 giờ khuya với lương 4 đô la 25 xu một giờ. Nhiều đêm, sau khi xong việc, đứng đón xe buýt trong cái lạnh -25 độ C của Montréal, tôi không thể cầm được nước mắt vì quá đau buồn cho thân phận của mình, từ một giáo sư đại học nay trở thành một cu-li với đồng lương tối thiểu. Tuy vậy, tôi không hề đánh mất hy vọng, và luôn luôn tự nhủ phải cố gắng hết mình làm theo lời dạy của ông bà mình: **“Tận Nhon Lực, Tri Thiên Mạng.”**

Nhận Được Việc Làm Chuyên Môn Đầu Tiên

Như bên trên tôi đã có trình bày, một buổi sáng vào khoảng cuối tháng 9-1981, Bà Atherton đã gọi điện thoại cho tôi đưa đến việc tôi được nhận vào học một giáo trình tu nghiệp về Biên Mục tại Đại Học McGill ở Montréal. Thế là, ở tuổi 40, tôi phải cố gắng hết sức để có thể làm tròn được 2 công việc khó khăn: 1) học một giáo trình ở cấp Cao Học vào ban ngày; và, 2) làm một công việc lao động chân tay vào ban đêm.

Một buổi trưa, vào khoảng giữa tháng 3-1982, tôi vào Trường McGill sớm và đọc được trên bảng thông tin của trường (news bulletin) một mẫu tin nhỏ được cắt ra từ tờ nhật báo ***The Globe and Mail*** về một công việc ngành Biên Mục (Cataloging) làm theo hợp đồng ở Ottawa. Tôi lập tức gửi đơn xin việc ngay, và, dĩ nhiên, kèm theo đơn xin việc là Thư Giới Thiệu của Giáo Sư Pauline Atherton. Một vài hôm sau tôi nhận được điện thoại từ Bà Renée Staples, Manager của Công Ty Sharon Professional Services (SPS), một công ty chuyên tìm việc làm cho các nhà chuyên môn tại Ottawa, mời tôi lên Ottawa để được phỏng vấn. Sáng hôm sau, tôi đi chuyến xe buýt Greyhound lúc 9 giờ và đến Ottawa lúc 11 giờ. Bà Renée Staples đã có mặt ở bến xe và đưa tôi về văn phòng; uống cà phê xong, Bà đưa tôi sang văn phòng của Bộ Canh Nông Canada trên đường Sir John Carling, và vào gặp Bà Joyce MacKintosh, Phó Giám Đốc của Thư Viện Trung Ương của Bộ Canh Nông. Bà Joyce MacKintosh chỉ hỏi tôi qua loa vài ba câu và, thật hoàn toàn bất ngờ, không tưởng tượng nổi, Bà quyết định nhận tôi ngay. Về sau, tôi mới biết được tại sao tôi đã có được cái may mắn quá lớn đó. Chuyện đầu tiên là về Bà Renée Staples: Bà là người Mỹ, lấy chồng, Ông Charles Staples, là người Canada nên Bà theo chồng sang sinh sống tại Canada, nhưng Bà sinh ra và lớn lên tại thành phố Syracuse và cũng đã từng là sinh viên của Đại Học Syracuse, vì vậy Bà có cảm tình ngay với tôi khi đọc hồ sơ xin việc của tôi và thấy tôi là cựu sinh viên cùng trường, và vì vậy Bà đã chọn tôi để phỏng vấn. Chuyến thứ hai là Bà Joyce MacKintosh lại là một người rất ngưỡng mộ Giáo Sư Pauline Atherton nên khi đọc lá Thư Giới Thiệu của Giáo Sư Atherton Bà đã bị ấn tượng nhiều về cá nhân tôi, và đã quyết định nhận tôi từ trước khi gặp tôi rồi, đưa đến việc Bà chỉ hỏi tôi vài câu cho có lệ mà thôi.

Công việc tôi làm là thực hiện một dự án chuyển đổi các thẻ thư mục mô tả sưu tập tạp chí của Thư Viện Trung Ương Bộ Canh Nông Canada từ dạng đánh máy sang dạng điện tử (a serials conversion project) theo đúng Khuôn Mẫu MARC 21 (MARC = **MA**chine-**R**eable **C**ataloging; 21 = for 21st Century) và sử dụng chương trình điện toán (computer software) UTLAS (**U**niversity of **T**oronto **L**ibrary **A**utomation **S**ystem). Chức vụ của tôi là Trưởng Toán (Team Leader) của một toán công tác gồm 3 người: tôi, 1 cô Librarian vừa mới tốt nghiệp bằng MLS, và 1 cô Library Technician. Lương của tôi là 21.000 đô la Canada một năm (về sau tôi mới được biết thật ra lương của tôi lúc đó là 30.000 đô la Canada chứ không phải 21.000; sẽ đề cập chi tiết trong phần sau).

Thời gian thực hiện công tác là đúng 1 năm, từ ngày 1-4-1982 cho đến ngày hết ngày 31-3-1983 (theo đúng tài khóa 1982-1983 của Chính phủ Liên Bang Canada). Theo kế hoạch của Bộ Canh Nông, dự án này sẽ được thực hiện trong 5 năm (1981-1985), và đây là năm thứ ba của dự án; do đó tôi lạc quan nghĩ rằng, khi kết thúc dự án, tôi sẽ có thể còn làm thêm được hai năm nữa (1983-1985). Nhưng rõ ràng, như ông bà mình thường dạy con cháu, mọi chuyện trên đời không bao giờ biết trước được. Sau khi làm việc được gần 6 tháng, một hôm Bà MacKintosh gọi tôi vào văn phòng bà nói chuyện. Bà cho tôi hay Bộ Canh Nông đã bị cắt ngân sách và phải chấm dứt dự án này vào cuối tài khóa 1982-1983, nghĩa là vào ngày 31-3-1983. Bà báo cho tôi biết sớm 6 tháng để tôi có thì giờ tìm công việc làm khác. Tôi cảm ơn lòng tốt của Bà và, thật bất ngờ, trước khi tôi rời phòng làm việc của Bà, Bà đột nhiên nêu ra việc sau đây: Bà nói lúc đọc hồ sơ của tôi Bà còn nhớ là hồi còn ở Việt Nam tôi đã là một giáo sư về ngành thư viện nên Bà hỏi tôi có còn muốn đi dạy học nữa không. Tôi trả lời Bà là tôi rất muốn được đi dạy học trở lại. Bà nói ngay là sẽ giới thiệu tôi với Bà Jean Painter, Trưởng Ban, Chương Trình Đào Tạo Nhân Viên Thư Viện Trung Cấp của Trường Đại Học Cộng Đồng Algonquin tại Ottawa. (Manager, Library Technician Program, Algonquin Community College, Ottawa). Nhờ sự giới thiệu này, sau đó tôi đã dạy giáo trình Biên Mục Mô Tả (Descriptive Cataloging) cho Chương trình này tại Trường Algonquin trong hai niên khóa (1982-1983 và 1983-1984).

Trong thời gian 6 tháng còn lại của dự án, tôi đã cố gắng tìm công việc làm khác nhưng không có kết quả. Đầu tháng 4-1983, tôi phải làm đơn xin trợ cấp thất nghiệp. Một buổi sáng, vào khoảng hơn 10 giờ, tôi nhận được một cú điện thoại. Người gọi tự xưng tên họ (tôi chỉ còn nhớ tên Diane nhưng không còn nhớ họ là gì) với chức vụ là Trưởng Khối Dịch Vụ Kỹ Thuật của Thư Viện của Bộ Bắc Vụ và Sắc Tộc (Head, Technical Services Division, Library, Department of Indian and Northern Affairs). Cô Diane cho biết Thư Viện của Cô đang cần thực hiện một dự án tương tự như dự án tôi đã thực hiện cho Thư Viện của Bộ Canh Nông, và chính Bà MacKintosh đã cho Cô số điện thoại của tôi. Cô cho biết là nếu tôi muốn làm thì sáng mai đến tham dự việc đấu thầu (bidding). Tôi trả lời ngay là sáng hôm sau tôi sẽ đến tham gia đấu thầu. Tuy trả lời như vậy nhưng thật ra tôi có biết đấu thầu ra sao đâu. Tôi liền gọi điện thoại cho Bà MacKintosh để nhờ Bà chỉ dẫn cách làm. Bà MacKintosh rất vui vì Cô Diane đã nghe lời Bà và đã gọi cho tôi nên Bà bảo tôi đến gặp Bà ngay. Khi tôi đến, Bà MacKintosh lấy ra một tập hồ sơ và nói cho tôi biết đó là hồ sơ mà Công Ty SPS của Bà Renée Staples đã nộp để đấu thầu cho dự án mà tôi đã thực hiện cho Bộ Canh Nông lúc trước. Bà bấm chuông gọi cô thư ký của Bà vào và bảo cô ta chụp cho tôi một bản. Sau đó Bà đưa cho tôi bản photocopy đó và dặn tôi dựa vào chi tiết trong hồ sơ đó mà làm 1 hồ sơ mới để nộp cho Cô Diane, chỉ cần sửa con số 20 thành 21 đô la cho giá tiền thực hiện việc chuyển đổi 1 thẻ thư mục đánh máy sang dạng điện tử. Nhờ được xem hồ sơ này của Công ty SPS mà tôi mới được biết là lương Team Leader của tôi lúc làm ở Bộ Canh Nông là 30.000 đô la, chứ không phải 21.000 đô la, vì Công ty SPS đã ăn chặn 30% tức là 9.000 đô la. Tôi không bao giờ để tâm thù hận gì hết về cái chuyện bị ăn chặn tiền lương 30% này vì 2 lý do: 1) Đó là chuyện bình thường mà công ty tìm

việc nào cũng làm cả; và 2) Chính là nhờ công việc đó đã mở cho tôi cái cổng để tôi có thể trở lại nghề chuyên môn thư viện của tôi. Ngày hôm sau tôi mang hồ sơ mới làm đó đến nộp cho Cô Diane và vài hôm sau Cô Diane gọi điện thoại báo cho biết là hồ sơ đấu thầu của tôi đã được chấp thuận và ngay hôm sau thì tôi bắt đầu thực hiện dự án đó cho Thư Viện của Bộ Bắc Vụ và Sắc Tộc. Tôi đã hoàn tất dự án này trong khoảng 3 tháng. Sau đó, do sự giới thiệu của Cô Diane, tôi lại thực hiện một dự án khác cho Bộ Tư Pháp (Department of the Solicitor General). Xong việc này thì lại lãnh trợ cấp thất nghiệp một thời gian ngắn khoảng hơn hai tháng thì nhận được việc làm mới tại một cơ quan liên bang của Chính phủ Canada về thông tin an toàn lao động: Canadian Centre for Occupational Health and Safety (CCOHS) = Centre canadien d'hygiène et de sécurité au travail (CCHST) tại thành phố Hamilton, Ontario.

CCOHS = CCHST: Bộ Phóng Quan Trọng Trong Sự Nghiệp Thư Viện

Vào khoảng đầu tháng 7-1984, tôi thấy tờ nhật báo ***The Globe and Mail*** đăng tin cơ quan CCOHS tuyển một lúc 5 chức vụ (một việc hiếm có) như sau:



Canadian Centre for Occupational Health and Safety

The Canadian Centre for Occupational Health and Safety was created by the Parliament of Canada to promote the right of Canadians to a healthy and safe working environment. We carry out this mandate by means of a service which uses modern information systems and communications technology to provide working people with trustworthy, intelligent, and comprehensive information and advice in occupational health and safety.

Documentation Services requires:

MANAGER, ONLINE CATALOGUE, with an MLS/BLIS in library and/or information science and progressively responsible cataloguing experience in an automated environment. Ability to create machine-readable bibliographic and abstracting tools, original thesauri and classification schemes is essential. Ability to work in both official languages is an asset.

Responsibilities include planning, organizing, controlling and directing the development of the online catalogue, involving bibliographic control, cataloguing/indexing/abstracting of Canadian content material, and research, creation and implementation of special occupational health and safety thesauri and classification schemes.

Salary: \$51,507.00 - \$59,501.00 per annum

INVENTORY CATALOGUER, with an MLS/BLIS in library and/or information science and experience in computerized cataloguing. Knowledge of rules, methods and practices of cataloguing library materials is essential. Ability to work in both official languages is an asset.

Responsibilities include providing original, descriptive and subject cataloguing, and classification of information materials for the CCOHS collection.

CANADIANA CATALOGUER, with an MLS/BLIS in library science and experience in computerized cataloguing. Knowledge of rules, methods and practices associated with cataloguing/indexing/abstracting of information resources and the ability to work in both official languages is essential.

Responsibilities include creating citations and abstracts for Canadian documents in occupational health and safety, reviewing errors and ensuring that updates of Canadian content are provided to the Centre International d'Informations de Sécurité et d'Hygiène du Travail.

SUBJECT CATALOGUER, with an MLS/BLIS in library and/or information science and experience in computerized cataloguing. Knowledge of rules, methods and practices associated with cataloguing/indexing/abstracting of information resources and the ability to do subject authority work in both official languages is essential.

Responsibilities include providing enhanced subject access to selected occupational health and safety documents and maintaining an on-line subject authority system in both official languages.

PHYSICAL HAZARDS INFORMATION SCIENTIST, with an MLS/BLIS in library and/or information science and course work in physical, biological or biochemical sciences. Knowledge of and experience in on-line searching, reference sources and techniques and the ability to work in a team setting is essential.

Responsibilities include providing reference and information services related to physical hazards.

Salary for above four positions: \$25,340.00 - \$29,631.00 per annum

CCOHS offers a full range of benefits programs compatible with those prevailing in the Public Service of Canada for comparable employment.

Resumes should be sent to: The Canadian Centre for Occupational Health and Safety, 250 Main St. E., Hamilton, Ont. L8N 4A6, Attention: Mrs. Henderson, Personnel Administration. Please Enclose Fee for No. 10054-003-01. Closing date: July 14, 1984. Location of work: Hamilton, Ont.

Four reassignments in: Frances Cadeaux & Miree Henderson

Tôi gửi ngay đơn xin việc cho chức vụ **Inventory Cataloguer**, được phỏng vấn vào ngày Thứ Tư 15-8-1984, và được nhận vào ngày 23-8-1984, với lương năm khởi sự là \$27.491 đô la:



Đây là một công việc toàn thời gian (Full-time), thường trực (Permanent), với đầy đủ các phúc lợi (Benefits) như một công chức của chính phủ liên bang Canada. Tôi thật sự đã chính thức được công nhận là một chuyên viên về ngành thư viện – thông tin tại Canada.

Khi bắt đầu làm việc tại CCOHS, mặc dù thật sự rất vui mừng vì đã có được một việc làm rất tốt, tôi không bao giờ ngờ CCOHS lại là một bộ phận giúp tôi thăng tiến tốt đẹp trong nghề nghiệp chuyên môn của mình.

Sau khi làm việc được khoảng 9 tháng thì CCOHS mở lại việc tuyển chọn chức vụ Manager, Online Catalogue mà năm trước họ đã không chọn được người. Lần này, tôi nộp đơn, được phỏng vấn vào ngày Thứ Hai 10-6-1985, và được nhận vào ngày Thứ Sáu 14-6-1985, với lương năm khởi sự là 31.977 đô la:



Tôi đã làm việc tại CCOHS trong hơn 8 năm, từ tháng 23-8-1984 cho đến 30-9-1992. Trong suốt thời gian đó, tôi đã lần lượt trải qua các chức vụ như sau:

- Inventory Cataloguer, 1984-1985
- Manager, Department of Online Catalogue, 1985-1986
- Manager, Department of Database Development, 1986-1990
- Manager, Department of Database and Information Resource Development, 1990-1992

Trong thời gian 8 năm này, khi chấm điểm cuối năm, tôi luôn luôn được cấp trên đánh giá tốt với Superior Performance, và đều được tăng lương 2 bậc. Do đó, lương năm của tôi từ \$27.941 đô la (tháng 8-1984) đã tăng lên đến \$71.259 (cuối năm 1991).



Canadian Centre for Occupational Health and Safety
Centre canadien d'hygiène et de sécurité au travail

Document No L91028
1991 12 19

To whom it may concern

This letter is to confirm that Mr. Vinh-Thé Lam is employed by the Canadian Centre for Occupational Health and Safety as Manager, Database and Information Resource Development, at an annual salary of \$71,259.00.

Mr. Lam has been employed by CCOHS since 1984 09 17.

Should you require any further information, please do not hesitate to call.

Yours sincerely

Linda Clark
Personnel

/lc

Sau khi lên nắm chức vụ Manager, Online Catalogue được nửa năm, một hôm Bà Wendy Moriarty (về sau, khi đã lập gia đình với Giáo Sư James Newman, Bà đổi tên thành Wendy Newman), Giám Đốc, Director, Documentation Services, cấp trên trực tiếp của tôi, gọi tôi vào phòng Bà nói chuyện. Bà cho tôi biết vì quá bận Bà không thể tiếp tục giảng dạy thêm về Biên Mục (Cataloging) của lớp đêm tại Trường Đại Học Cộng Đồng Mohawk tại Hamilton (Mohawk Community College, Hamilton), và ngỏ ý muốn đề cử tôi thay Bà giảng dạy. Tôi đồng ý ngay. Bà gọi điện thoại cho Bà Lois Wall, Trưởng Ban, Chương Trình Đào Tạo Nhân Viên Thư Viện Trung Cấp của Trường Mohawk (Manager, Library Technician Program, Mohawk College) và giới thiệu tôi. Bà Lois Wall đồng ý ngay. Sau đó tôi đã giảng dạy bộ môn Biên Mục Mô Tả (Descriptive Cataloging) tại Trường Mohawk liên tục trong 10 năm (1985-1995).

Cho đến giữa năm 1992, tôi vẫn nghĩ và đinh ninh tôi sẽ tiếp tục làm việc cho CCOHS cho đến ngày về hưu lúc 65 tuổi vì hai lý do sau đây: 1) Công việc làm tại CCOHS quá tốt với lương cao và rất nhiều phúc lợi, và cũng rất ổn định, vững chắc; và 2) Gia đình tôi đã mua nhà tại Hamilton. Nhưng rõ ràng là ông bà mình nói không sai: chuyện tương lai không thể biết trước được.

CCOHS do Chính phủ Đảng Tự Do (Liberal Party), nghiêng về phía công nhân, thành lập. Bây giờ Đảng Bảo Thủ (Conservative Party), nghiêng về phía chủ nhân, đã giành được chính quyền. Họ tìm cách gây khó khăn cho CCOHS. Lúc bấy giờ, CCOHS đã sản xuất được các đĩa điện tử (CD-ROM) CCINFODisc bán ra khắp thế giới (tại cao điểm vào năm 1990, có tất cả 44 nước trên thế giới đã mua đĩa CCINFODisc của CCOHS), và có được một lợi tức đáng kể. Lấy lý do đó, Chính phủ Bảo Thủ ra lệnh cho CCOHS phải tiến tới tự túc hoàn toàn về ngân sách trong vòng 3 năm, và ngay trước mắt, Chính phủ cắt ngay 50% ngân sách của CCOHS. Để dễ dàng thực hiện đường lối phá hoại này, Chính phủ cách chức ngay lập tức Tiến sĩ Gordon Atherley, President của CCOHS, một chuyên gia về an toàn lao động nổi tiếng và được kính kể trên thế giới (lúc đó Tiến sĩ Atherley đang làm President mới được 2 năm của nhiệm kỳ 5 năm thứ nhì, và để tránh bị kiện thưa, Chính phủ đã trả cho ông 3 năm lương còn lại luôn), và sau đó bổ nhiệm ngay một President mới là ông Arthur Saint-Aubin, một Trung Tướng Lục Quân (tướng 3 sao) đã về hưu, hoàn toàn không biết gì hết về an toàn lao động và cũng không có khả năng quản trị tài chánh. Không rõ ông Saint-Aubin nhận được mật lệnh như thế nào từ Chính phủ Bảo Thủ, ông đã ra tay phá tan cơ cấu tổ chức của CCOHS: đầu tiên là truy bức các vị Giám Đốc (Directors, tất cả là 4 vị) đẩy họ vào chỗ phải xin từ chức để khỏi bị mang cái nhục là bị đuổi, sau đó cho nghỉ việc (lay off) tất cả 16 vị Trưởng Ban (Managers) dưới quyền của 4 vị Directors đó. Tôi bị cho nghỉ việc vào ngày 30-9-1992 cùng ngày với 3 vị Managers khác. Mặc dù CCOHS đã trả cho tôi 9 tháng lương (gọi là compensation package coi như bồi thường cho hơn 8 năm công vụ của tôi), tôi rất đau buồn bởi cái chuyện bị cho nghỉ việc hết sức vô lý này vì mấy lý do sau đây: 1) tôi đã bị đối xử quá bất công vì tôi là một nhân viên làm việc giỏi và hết sức tận tụy với chức vụ; 2) tôi đã ở vào tuổi trên 50, không dễ gì tìm được việc làm mới đúng tầm vóc của mình; 3) tôi mới mua nhà được có 4 năm, tiền nợ ngân hàng còn rất nhiều; và, 4) cách đối xử này hoàn toàn đi ngược lại bản chất hiền lành và nhân hậu của dân tộc Canada. Tôi thật sự bị xuống tinh thần trong suốt mấy tuần lễ sau đó. Nhưng sau cùng tôi cũng vượt qua được cái “xốc” lớn đó. Và, thật tình mà nói, nhờ đó tôi đã có được một trải nghiệm quý giá về chân lý **“Tái Ông Thất Mã.”** ^[2] Chính nhờ bị mất việc tại CCOHS tôi mới phải đi tìm việc khác, và, sau 5 năm trời lận đận, tôi đã tìm được một công việc tốt hơn rất nhiều tại Viện Đại Học Saskatchewan trong Vùng Đại Bình Nguyên của Canada vào tháng 9-1997.

Nhận Được Việc Tại Trường Đại Học Saskatchewan

Vào khoảng giữa tháng 2-1997, nhân lúc xem tin tức trên Trang Web của Trường Đại Học Toronto, ở mục Jobsite, tôi thấy có một thông cáo của Trường Đại Học Saskatchewan cho biết đang tìm người cho chức vụ **Head, Cataloguing Department** :

University of Saskatchewan Libraries

Head, Cataloguing Department

The University of Saskatchewan Libraries invites applications and nominations for the position of Head of the Cataloguing Department.

Duties and Responsibilities: Include managing a department which performs post-receipt bibliographic searching, original and copy cataloguing, catalogue maintenance, authority control and physical preparation of library materials in a centralized Technical Services division. The staff presently consists of 2.4 FTE librarian cataloguers and 16.0 FTE copy cataloguers, bibliographic searchers and other staff.

Required Qualifications: Includes a degree from an accredited library school; several years experience in original cataloguing in a variety of formats, preferably in an academic library and in an online environment; thorough knowledge of AACR2R, Library of Congress classification and subject headings and MARC formats; familiarity with recent developments, issues and trends in cataloguing and classification, technical services and automation; a working knowledge of at least one modern European language; demonstrated supervisory and administrative skills; leadership, organizational and analytical skills demonstrated through experience in developing and implementing effective programmes and projects; ability to establish and maintain effective working relationships with all levels of library and University staff in a complex and increasingly dynamic research library environment; demonstrated written and verbal communications skills.

Ngày 21-2-1997, tôi gửi đơn xin việc cho Ông Frank Winter, Giám Đốc Thư Viện (Director of Libraries) của Trường Đại Học Saskatchewan. Cùng với đơn xin việc này tôi kèm theo hai là thư giới thiệu của Bà Wendy Newman và Bà Lois Wall với những đoạn gây ấn tượng như sau:

As Director, Information Response Services, at the Canadian Centre for Occupational Health and Safety, I worked with Vinh-The Lam from 1984 to 1990. Initially he was a Cataloguer; later he was promoted to Manager, responsible for a number of bibliographic and directory data bases created for use in Canada and internationally.

I can speak highly of his ability, knowledge, and commitment. He is among the most knowledgeable cataloguers I have met in twenty-five years of experience in a variety of libraries. His expertise in the subject was accompanied by an obvious recognition of the importance of efficient production processes.

Thư giới thiệu của Bà Wendy Newman

Thé is an outstanding teacher. His ability to inspire his students and to generate genuine interest in cataloguing is evident from both the informal feedback I receive from the students and the results of formal evaluations conducted regularly in our courses. We employ approximately twenty part-time faculty on a regular basis. I consider Thé to be one of the best. His conduct is always professional, his knowledge of cataloguing thorough and his rapport with other instructors and students excellent. He is concerned about student learning and meets his obligations as an instructor in an exemplary fashion.

Thư giới thiệu của Bà Lois Wall

Độ một tuần lễ sau tôi nhận được văn thư hồi âm của Ông Winter đề ngày 26-2-1997, báo cho biết đã nhận được đơn xin việc của tôi:



February 26, 1997

Mr. Vinh-The Lam
585 Britannia Avenue
Hamilton, ON
L8H 2A3

Dear Mr. Lam:

Thank you for your letter of application for the position of Head, Cataloguing Department at the University of Saskatchewan Libraries.

The Search Committee will meet following the deadline for applications. We will keep you advised of the status of your application.

Sincerely,

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Frank Winter".

Frank Winter
Director of Libraries

/dm

Tuy vậy, mãi đến đầu tháng 6-1997, tôi mới được mời đến phỏng vấn, và, theo đúng thủ tục chọn người ở các đại học của Bắc Mỹ, cuộc phỏng vấn đã diễn ra **trọn một ngày, Thứ Hai, 2-6-1997, từ 9 giờ sáng đến tận sau 4:30 chiều**, như trong bảng chương trình phỏng vấn (Interview Schedule) sau đây:



*University of Saskatchewan Libraries
Interview Schedule
Head, Cataloguing*

Candidate: Vinh-The Lam

Date: Monday, June 2, 1997

Libraries

9:00 a.m. - 10:30 a.m.	Search Committee: Frank Winter (Chair), Gail Bunt, Marian Dworaczek, David Salt, Room 154 MB ✓
10:30 a.m. - 11:00 a.m.	Coffee: Cataloguing Department, Room 12 ✓
11:00 a.m. - 12:00 noon	Tour of Technical Services, Marian Dworaczek ✓
12:00 - 1:00 p.m.	Lunch: Search Committee ✓
1:15 p.m. - 2:15 p.m.	Appointments Committee, Linda Fritz, Peter Pridmore ✓
2:15 p.m. - 2:45 p.m.	Library Management Committee ✓
2:45 p.m. - 3:15 p.m.	Library Department Heads ✓
3:15 p.m. - 3:45 p.m.	Personnel Office/Library ✓
3:45 p.m. - 4:30 p.m.	Search Committee
4:30 p.m. -	Frank Winter, Director of Libraries

Và, sau cùng, đến giữa tháng 8-1997, tôi mới nhận được văn thư của Ông Frank Winter chính thức báo tin tôi đã được công việc làm đó. Ngày 2-9-1997, ngay sau Lễ Lao Động (Labour Day), tôi bắt đầu làm việc cho Thư Viện của Trường Đại Học Saskatchewan với chức vụ Trưởng Ban Biên Mục (Head, Cataloguing Department).

Những Đóng Góp Quan Trọng Cho Thư Viện Đại Học Saskatchewan

Huấn Luyện Nhân Viên Trung Cấp Của Thư Viện

Khi tôi nhận việc, Ban Biên mục của Thư Viện Đại Học Saskatchewan gồm có tất cả là 18 nhân viên: 2 quản thủ thư viện (Librarian, có bằng MLS như tôi) và 16 nhân viên trung cấp (Library Assistant, gọi tắt là LA). 16 LA này đã làm việc nhiều năm và đã được thăng cấp nhiều lần, có 2 người đã là LA bậc 5 (LA5) giữ chức vụ Supervisor, 14 người còn lại đều đã là LA bậc 4 (LA4). Họ biết làm việc và làm tốt công việc của họ, nhưng vì không được huấn luyện chính quy về ngành Biên Mục, nên có thể nói là **họ biết LÀM THẾ NÀO nhưng không biết TẠI SAO PHẢI LÀM NHƯ VẬY**. Để giúp họ vượt qua khuyết điểm đó tôi quyết định tổ chức một khóa huấn luyện cho họ. Tôi trình lên Ủy Ban Điều Hành Thư Viện (Library Management Committee = LMC), do ông Winter đứng đầu và tôi là một thành viên, chương trình chi tiết của một khóa huấn luyện 4 ngày như sau: ^[3]

- Ngày thứ nhất (27-4-1998):
 - o Phần Một: Các Nguyên Tắc Về Biên Mục
 - Các chức năng của Thư Mục
 - Các mục tiêu của Thư mục: Giúp tìm tài liệu và Giúp tập hợp tài liệu
 - Tác động của các đổi mới về công nghệ đối với Thư mục

- Phát triển của Thư mục: từ thẻ đến Thư mục trực tuyến trên Web
- Tính đồng nhất của các Điểm Truy Cập
 - Các mối quan hệ về thư tịch
 - Lý do: Chức năng tập hợp tài liệu của Thư mục
 - Thực hiện: Kiểm Soát Tiêu Đề Chuẩn
- Cơ cấu truy cập theo chủ đề
 - Tính hai mặt của truy cập theo chủ đề
 - Truy cập theo đường thẳng: Số phân loại
 - Truy cập đa chiều: Tiêu đề chủ đề
 - Tiềm năng tăng cường truy cập theo chủ đề: Bảng Mục Lục của sách
- o Phần Hai: Tầm quan trọng của Mô tả
 - Các Nguyên tắc về Mô tả
 - Tài liệu đang nắm trong tay
 - Các nguồn thông tin
 - Tiêu chuẩn quốc tế về mô tả ISBD (International Standard Bibliographic Description)
 - Tổ chức việc mô tả
 - Các vùng mô tả
 - Thứ tự mô tả
 - Mô tả trực tuyến: Khổ mẫu MARC
 - Thứ tự quan trọng của các đơn vị mô tả
 - Nhan đề
 - Tàng thư
 - Ấn bản
 - Năm xuất bản
 - Tầm quan trọng của ghi chú
 - Lý do: Tại sao và khi nào làm ghi chú
 - Cơ cấu của ghi chú: Cách làm và thứ tự
- o Phần Ba: Các điểm truy cập
 - Điểm truy cập chính và phụ
 - Tác giả hay Nhan đề là Điểm truy cập chính
 - Điểm truy cập chính trong môi trường trực tuyến
 - Các điểm truy cập phụ trong chức năng Tìm tài liệu và Tập hợp tài liệu
 - Các điểm truy cập theo tên
 - Tên cá nhân: Tên tiếng Anh và Tên các ngôn ngữ khác
 - Tên tập thể: Hội đoàn, Chính phủ, Hội nghị
 - Các điểm truy cập theo nhan đề
 - Các hình thức khác nhau của nhan đề
 - Nhan đề đồng nhất

- Các điểm truy cập theo từng thư
 - Từng thư được ghi
 - Từng thư không được ghi
 - Từng thư ghi một cách khác
- Các điểm truy cập theo chủ đề
 - Các số phân loại
 - Các tiêu đề chủ đề
- Các điểm truy cập khác
 - Các số tiêu chuẩn (ISBN, ISSN)
 - Các loại số khác
- Kiểm Soát Tiêu Đề Chuẩn
 - Các hệ thống: Tên và Chủ Đề
 - Các thủ tục: Thủ công và trực tuyến
 - Hệ thống sẽ trang bị: LTI (Library Technologies, Inc.)
- Ngày thứ nhì (28-4-1998)
 - o Phần Bốn: Số phân loại và Tiêu đề chủ đề
 - Hệ thống Phân Loại của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ
 - Lịch sử
 - Cấu trúc
 - Các bảng phân loại
 - Các bảng cập nhật
 - Chính sách của Thư viện Đại Học Saskatchewan về Văn Học và Luật
- Ngày thứ ba (29-4-1998)
 - Tiêu đề chủ đề của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ
 - Cơ cấu
 - Các tiểu phân mục
 - Các bảng cập nhật
 - Kiểm soát tiêu đề chuẩn
 - Hệ thống phân loại Dewey
 - Lịch sử
 - Cơ cấu
 - Phân mục 370: Giáo Dục
- Ngày thứ tư (30-4-1998)
 - o Phần Năm: Các dụng cụ làm việc
 - Cataloger's Desktop
 - Khổ mẫu USMARC
 - Cẩm nang Biên mục chủ đề (Subject Cataloguing Manual)
 - Giải thích các Quy tắc Biên mục của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ (LC Rule Interpretations)
 - Classification Plus

- Các Bảng Phân Loại của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ
- Tiêu đề chủ đề của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ
- Các dụng cụ có trên Internet
 - WebCATS
 - TPOT
 - Cẩm nang biên mục các tài liệu ngoại quốc
 - Cổng LC Z39-50

Sau khóa huấn luyện, đa số nhân viên đã đánh giá nó từ Rất Tốt đến Xuất Sắc (from Very Good to Excellent), cho thấy khóa huấn luyện đã thành công, giúp cho nhân viên nâng cao được kiến thức chuyên môn rất nhiều.

Thanh Lọc OPAC Của Thư Viện Đại Học Saskatchewan

Trường Đại Học Saskatchewan được thành lập từ năm 1907. Thư viện của Trường đã được 90 tuổi khi tôi nhận việc vào năm 1997 với bộ thư mục (Catalogue) đã được tự động hóa (automated), trở thành một OPAC (Online Public Access Catalog) chứa gần 1 triệu biểu ghi thư tịch (bibliographic record), nhưng thiếu tính nhất quán (consistency) vì đã trải qua nhiều bộ quy tắc biên mục khác nhau, và vì thư viện, do không có phương tiện và nhân lực, đã không thực hiện công tác quan trọng là **Kiểm Soát Tiêu Đề Chuẩn** (Authority Control, thường được viết tắt là AC). Các tiêu đề sử dụng trong thư mục, nhất là tiêu đề mô tả tên tác giả, thiếu nhất quán khiến cho việc tìm tài liệu trong sưu tập của thư viện không đạt được tính tối ưu. Tôi quyết định phải thực hiện một dự án lớn về AC nhằm thanh lọc toàn bộ các tiêu đề trong OPAC. Công việc này không thể nào tự thư viện làm được, mà phải nhờ đến một công ty tư nhân bên ngoài làm giúp, tức là một loại công tác tại ngoại (outsourcing).

Sau khi dành một thời gian hơn 2 tháng để tiến hành một cuộc điều nghiên rất tỉ mỉ về hiện trạng công tác AC tại ngoại của một số các thư viện đại học lớn của Hoa Kỳ, tôi đã trình lên LMC một dự án công tác AC tại ngoại (AC Outsourcing Project) với sự tham gia của công ty LTI (Library Technology, Inc.), một công ty điện tử lớn của Hoa Kỳ chuyên môn về công tác thanh lọc đó. Sau khi thảo luận chi tiết rất cặn kẽ dự án tôi đã trình, LMC đồng ý cho phép tôi ký hợp đồng với LTI để thực hiện dự án AC tại ngoại vô cùng quan trọng đó.

Dự án AC tại ngoại này đã được thực hiện thành công tốt đẹp nhờ sự cộng tác chặt chẽ giữa các đơn vị trong thư viện là Ban Biên Mục (Cataloguing Department) và Khối Công Nghệ Thông Tin (Information Technology Services Division) cũng như sự hỗ trợ kỹ thuật mạnh mẽ của LTI và INNOPAC (công ty điện tử cung cấp hệ thống tự-động-hóa -library automation system- cho thư viện). Sau khi dự án kết thúc, tôi đã viết một bài báo tường trình kinh nghiệm này của thư viện gửi đăng trong tạp chí

chuyên ngành về thư viện của Bắc Mỹ, **Cataloging & Classification Quarterly**, thường được giới thư viện gọi tắt là **CCQ**.^[4]

Quản Lý Tốt Tài Liệu Điện Tử

*“Những năm cuối của thập niên 1990 đã chứng kiến một sự bùng nổ dữ dội của mạng INTERNET với hàng ngàn tài liệu điện tử xuất hiện ồ ạt gần như mỗi ngày. Hiện tượng này tạo ra một thử thách lớn cho các thư viện khắp nơi tại Bắc Mỹ. Thư Viện Đại Học Saskatchewan không thể là một ngoại lệ, và BDHTV [LMC] phải đối phó với một yêu cầu cấp thiết là tìm các phương thức có hiệu quả để giải quyết thử thách đó. Do yêu cầu đó, tôi đã được BDHTV [LMC] liên tiếp giao cho một loạt nhiệm vụ như sau: 1) Chủ Tịch Ủy Ban Đặc Nhiệm Về Liên Quan Giữa Tài Liệu Điện Tử và Thư Mục (E-Documents and the Catalogue Task Force, từ tháng 12-1997 đến tháng 3-1998); 2) Chủ Tịch Ủy Ban Đặc Nhiệm Về Tạp Chí Điện Tử của Khối Dịch Vụ Kỹ Thuật (TSAC E-Journal Task Force, từ tháng 10-1998 đến tháng 9-1999; TSAC = Technical Services Advisory Committee); 3) Thành Viên của Nhóm Công Tác Chuẩn Bị Cho Dự Án Quốc Gia Canada Về Vấn Đề Truy Duyệt Tạp Chí Điện tử (Getting Ready for the CNSLP Working Group, từ tháng 10-2000 đến tháng 4-2001; CNSLP = Canadian National Site Licensing Project). Tôi đã hoạt động rất tích cực trong các ủy ban đó để giúp cho Thư Viện Đại Học Saskatchewan giải quyết một cách thỏa đáng các thử thách về tài liệu điện tử trên Mạng INTERNET cũng như về các tạp chí điện tử. Dựa trên kinh nghiệm làm việc trong các dự án đó, tôi đã viết được hai bài báo, một cho tạp chí **Cataloging & classification quarterly**, một cho tạp chí **Serials librarian**, và một bài thuyết trình tại Hội Nghị Hàng Năm (1999) của Hội Thông Tin Học Hoa Kỳ.”*^[5]

Hai bài báo đó là:

- Cataloguing Internet resources: why, what, how, **Cataloguing & classification quarterly**, tập 28, số 3 (1000), tr. 49-61.
- Organizational and technical issues in providing access to electronic journals, **Serials librarian**, tập 39, số 3 (2001), tr. 25-34.

Bài thuyết trình là:

- Organizational and technical issues in providing access to electronic journals, được thuyết trình tại Hội Nghị Thường Niên của Hội Thông Tin Học Hoa Kỳ (Annual Meeting, American Society for Information Science), họp tại thủ đô Washington, D.C., từ ngày 31-10 đến 4-11-1999.

Vào Biên Chế Và Thăng Cấp Tại Đại Học Saskatchewan

Vào Biên Chế

Theo văn thư chính thức của Trường Đại Học Saskatchewan, Offer of Employment, khi nhận tôi về làm việc, thì tôi phải trải qua một thời gian thử thách (probation) là 3 năm (1997-2000):

“The appointment being offered is a probationary appointment for an initial period of 3 years, i.e. until June 30, 2000. Probationary appointments are appointments leading to an eventual consideration for permanent status in accordance with the provisions of agreement

with the Faculty Association. The normal time for consideration of your permanent status would be the academic year 1999-2000.

(Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: “Việc bổ nhiệm này chỉ là tạm thời trong một thời gian là 3 năm, nghĩa là cho đến ngày 30-6-2000. Các bổ nhiệm tạm thời là những bổ nhiệm có thể đưa đến việc xét duyệt để vào biên chế thường trực theo đúng các điều khoản của hợp đồng với Hội Nhân Viên Giảng Dạy. Thời gian chính thức cho việc xét duyệt này sẽ diễn ra trong năm học 1999-2000.”)

Theo đúng tinh thần của văn thư Offer of Employment, Thư Viện đã tiến hành việc xét duyệt và chấp thuận cho tôi được vào biên chế chính thức của Trường Đại Học Saskatchewan. Quyết định này được trình lên cho Ủy Ban Xét Duyệt Của Đại Học (University Review Committee) và ngày 10-1-2000 tôi nhận được văn thư của Tiến Sĩ Michael Atkinson, Phó Viện Trưởng Đặc Trách Học Vụ (Vice-President for Academic Affairs), kiêm Trưởng Ban Xét Duyệt của Đại Học (Chairman, University Review Committee) thông báo là tôi đã chính thức được nhận vào biên chế của Trường Đại Học như sau:

“The University Review Committee has concluded its consideration of recommendations for tenure. I am pleased to advise you that the Committee voted to recommend to the Board of Governors that you be granted permanent status effective 1 July 2000.

The award of tenure is an extremely important step for both you and the university. In addition to being an important stage in your own career development, the awarding of tenure represents the University’s long-term commitment to you in recognition of the satisfactory performance of your duties during your first years at the University of Saskatchewan.”

(Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: “Ủy Ban Duyệt Xét của Đại Học đã xem xét khuyến cáo cho ông vào biên chế thường trực và đã có kết luận. Tôi rất vui mừng thông báo cho ông là Ủy Ban đã bỏ phiếu tán thành và sẽ khuyến cáo lên Hội Đồng Quản Trị của Viện Đại Học để ông được vào biên chế thường trực kể từ ngày 1 Tháng 7 năm 2000.

Việc ban tặng quy chế thường trực là một bước tiến vô cùng quan trọng đối với ông cũng như đối với Viện Đại Học. Ngoài việc thể hiện một giai đoạn quan trọng trong sự phát triển nghề nghiệp của ông, việc ban tặng đó còn thể hiện sự cam kết lâu dài của Viện Đại Học đối với ông qua việc công nhận ông đã công tác tốt trong những năm đầu tiên tại Đại Học Saskatchewan.”)

Một vài tuần lễ sau khi được vào biên chế, tôi được LMC thăng cấp, đề cử tôi nhận chức vụ mới là Trưởng Khối Dịch Vụ Kỹ Thuật (Head, Technical Services Division), chịu trách nhiệm điều khiển cả 2 ban: Ban Biên Mục và Ban Thủ Đắc (Department of Acquisitions, lo về mua sắm sách báo cho Thư viện), và với chức vụ mới này tôi cũng đã trở thành một thành viên thường trực của LMC.

Thăng Cấp Lên Quản Thủ Thư Viện Bậc 4

Hai năm sau khi tôi đã được vào biên chế, với sự khuyến khích của Ông Frank Winter, Giám Đốc Thư Viện, tôi đã nộp đơn xin thăng cấp lên Quản Thủ Thư Viện Bậc 4 (Librarian IV), là cấp bậc cao nhất của quản thủ thư viện tại các đại học của Bắc Mỹ. Tôi đạt được mục tiêu nhưng đã phải trải qua một quá trình và kinh nghiệm hết sức cay đắng.

Cũng giống như việc vào biên chế, việc thăng cấp cũng đã phải bắt đầu từ Thư viện, chỉ khác là lần này ủy ban xét duyệt của Thư Viện chỉ gồm toàn các Librarian IV mà thôi, tại thời điểm đó là 14 vị. Sau khi thảo luận, ủy ban bỏ phiếu với kết quả là 6 phiếu thuận, 6 phiếu chống, và 2 phiếu trắng, nghĩa là hòa nhưng hòa có nghĩa là không chấp thuận, tức là đơn của tôi đã bị bác. Thật là một cái “xốc” lớn đối với tôi, vì 2 lý do chính sau đây: 1) Trước khi làm đơn, tôi đã đi gặp từng người của 14 Librarian IV đó để vận động họ ủng hộ tôi, và tất cả các vị đó đều cho biết rõ ràng là họ sẽ ủng hộ tôi, vậy mà trên thực tế, khi bỏ phiếu, đã có 6 người bỏ phiếu chống và 2 người bỏ phiếu trắng; và 2) Trong đơn xin thăng cấp, tôi đã trình bày rất rõ ràng, với đầy đủ các tài liệu chứng minh, là tôi đã đạt tất cả 5 tiêu chuẩn trong tài liệu chính thức của Thư Viện đã được Viện Đại Học chuẩn nhận: ***University Library Standards for Promotion and Permanent Status, April 21, 1992***. 5 tiêu chuẩn đó là:

- Practice of Professional Skills
- Research and Scholarly Work
- Contributions to the Administrative Responsibilities of the University
- Contributions to Extension
- Public Service and Contributions to Academic and Professional Bodies

Sau khi thảo luận với những vị đã bỏ phiếu ủng hộ tôi, và suy nghĩ cặn kẽ, tôi đã nghiệm ra lý do của những người đã bỏ phiếu chống: chỉ vì bụng dạ nhỏ nhen, hẹp hòi, và lòng ganh tị của họ đã khiến cho họ mất lý trí không chịu nhìn nhận sự thật là ***tôi đã đáp ứng đầy đủ tất cả các tiêu chuẩn để được thăng cấp***. Và, chính vì vậy, sau cùng, họ phải trả giá cho sự nhỏ nhen ganh tị đó, phải chịu cái nhục (như bị một cái tát vào mặt) khi Ủy Ban Xét Duyệt Của Đại Học đã bỏ qua khuyến cáo của họ (chống việc thăng cấp chính đáng của tôi) và quyết định cho tôi thăng cấp lên Librarian IV trong văn thư ngày 20-3-2002 của Tiến Sĩ Michael Atkinson như sau:

“On behalf of the University Review Committee, I am pleased to inform you that the Committee has recommended to the Board of Governors that you be promoted to the rank of Librarian IV effective

July 1, 2002. Congratulations! You should receive a letter from the Board of Governors later this month.

The documentation provided supporting your case demonstrates that your colleagues, both on campus, across Canada, and beyond, have recognized your accomplishments to date. Our recommendation to the Board of Governors is a vote of confidence in you as a senior member of the university community and in your continuing contribution to the academic life and vitality of the University of Saskatchewan."

(Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: "Thay mặt Ủy Ban Xét Duyệt của Đại Học, tôi vui mừng báo tin cho ông là Ủy Ban đã khuyến cáo với Hội Đồng Quản Trị của Đại Học để ông được thăng cấp lên Quản Thủ Thư Viện Bậc IV kể từ ngày 1 Tháng 7 năm 2002. Xin chúc mừng ông! Ông sẽ nhận được văn thư của Hội Đồng Quản Trị vào cuối tháng này.

Hồ sơ đã được đệ trình để hỗ trợ cho trường hợp của ông đã chứng minh rằng các đồng nghiệp của ông tại trường cũng như từ khắp Canada, và cả quốc tế, đã công nhận những thành quả mà ông đã đạt được cho đến ngày hôm nay. Khuyến cáo của chúng tôi với Hội Đồng Quản Trị của Đại Học là một lá phiếu xác nhận sự tin tưởng của chúng tôi đối với ông với tư cách là một thành viên cao cấp của cộng đồng đại học, và đối với sự tiếp tục đóng góp của ông cho sự nghiệp và sức sống của Đại Học Saskatchewan.")

Nghỉ Phép Một Năm Đi Làm Nghiên Cứu

Trường Đại Học Saskatchewan có một quy chế đặc biệt là xếp các quản thủ thư viện được vào chung một công đoàn với các giáo sư. Do đó các quản thủ thư viện cũng có những nhiệm vụ như các giáo sư, tức là cũng phải giảng dạy và làm nghiên cứu. Đối lại, về quyền lợi, thì các quản thủ thư viện cũng được nghỉ phép định kỳ để đi làm nghiên cứu, gọi là **Sabbatical Leave**. Có 2 loại nghỉ phép này: 1) Cứ 3 năm thì được nghỉ Sabbatical Leave 6 tháng, và được hưởng 100% lương; và, 2) Cứ 6 năm thì được nghỉ Sabbatical trọn 1 năm, và được hưởng 80% lương. Năm 2003, tôi đã làm việc được 6 năm, nên tôi đã làm đơn xin nghỉ Sabbatical Leave trọn 1 năm, từ ngày 1-7-2003 cho đến hết ngày 30-6-2004. Trong đơn xin nghỉ phép tôi ghi rõ là sẽ sử dụng thời gian nghỉ phép 12 tháng đó để thực hiện 2 dự án nghiên cứu như sau:

- **Dự án thứ nhất: làm một cuộc nghiên cứu về vấn đề "Kiểm tra chất lượng trong công tác biên mục tại ngoại tại các thư viện đại học của Hoa Kỳ và Canada" (Quality control issues in outsourcing cataloguing at US and Canadian academic libraries)**
- **Dự án thứ nhì: thực hiện cho Thư Viện của Đại Học Saskatchewan một "Cơ sở dữ liệu trực tuyến trên Web các tài liệu đã giải mật trong khoảng thời gian 1975-2000 của Cơ Quan Trung Ương Tình Báo Hoa**

Kỳ về Chiến Tranh Việt Nam” (A Web-based online database of declassified CIA documents on the Vietnam War, 1975-2000)

Ngày 28-10-2002, tôi nhận được văn thư chính thức của Tiến Sĩ Mark Evered, Vice-Provost của Đại Học và cũng là Trưởng Ban Xét Duyệt Nghỉ Phép Để Đi Làm Nghiên Cứu (Chairman, Sabbatical Leave Review Committee), thông báo là Ủy Ban đã chấp thuận đơn của tôi và cho phép tôi được nghỉ Sabbatical Leave từ ngày 1-7-2003 cho đến hết ngày 30-6-2004 với 80% lương như trong tấm ảnh bên dưới đây:



October 28, 2002

Mr. V.T. Lam
Library

Dear Mr. Lam:

I am pleased to advise you that the Sabbatical Leave Committee has granted you sabbatical leave for the period **July 1, 2003 to June 30, 2004 (12 months at 80% of salary)**, subject only to the possibility of postponement by the Dean of your College under the provisions of Article 21.7.1 of the Collective Agreement. Your Dean will advise you by December 15 whether the recommendation will be made to grant or to defer your leave.

Enclosed is an outline of the entitlements and responsibilities of sabbaticants, and of the terms and conditions pertaining to sabbatical leaves. In addition, please note the following:

- **Your assigned duties during your leave are to complete the work outlined in your sabbatical proposal.** If you find it necessary to change any aspect of your sabbatical project, please note the steps to be taken to do this.
- If you leave Saskatoon during your leave, you, in consultation with your Department Head or Dean, are responsible for arranging **supervision of any graduate students** you might have at the time of your leave.
- You are responsible for obtaining approval from the appropriate **ethics review** body if your work on your leave involves human subjects or animal studies at this or another institution.

In the second term you will be invited to attend an information session for next year's sabbaticants which will provide you with information on: the travel grant and travel expense claims; use of the professional expense allowance; and applying for a sabbatical leave research grant in lieu of salary.

I hope you will have an enjoyable and professionally rewarding sabbatical.

Sincerely yours,

A handwritten signature in dark ink, appearing to read "Mark Evered", is written over a light blue horizontal line.

Mark Evered, Ph.D.
Vice-Provost
and Chair, Sabbatical Leave Committee

Trong thời gian nghỉ phép 12 tháng đó, tôi đã hoàn thành cả 2 dự án nghiên cứu đó, và dựa trên kết quả nghiên cứu, tôi đã viết được 2 bài báo cho hai tạp chí chuyên ngành thư viện của Bắc Mỹ:

- “Quality control Issues in outsourcing cataloging in US and Canadian academic Libraries,” **Cataloging & Classification Quarterly**, tập. 40, số 1 (2005), tr. 101-122.
- “A Web-based database of CIA Declassified Documents on the Vietnam War,” **Online**,_tập 28, số 4 (2004), tr. 31-35. (Viết chung với Darryl Friesen, chuyên viên điện toán đã đưa cơ sở dữ liệu lên Trang Web của Đại Học Saskatchewan).

Những Đóng Góp Quan Trọng Khác

Những Bài Báo cho Các Tạp Chí Chuyên Môn

- 1992 “Quality Control for a Bibliographic Database,” **Canadian Journal of Information Science**, tập 17, số 1, tr. 24-31.
1999. “Issues in Library Development for Vietnam,” **Asian Libraries**, tập 8, số 10, tr. 371-379.
2000. “Cataloguing Internet Resources: Why, What, How.” **Cataloguing & Classification Quarterly**, tập 29, số 3, tr. 49-61.
2001. “Organizational and Technical Issues in Providing Access to Electronic Journals,” **Serials Librarian**, tập 39, số 3, tr. 25-34.
2001. “A National Library Association for Vietnam,” **New Library World**, tập 102, số 1166/1167, tr. 278-282.
2001. “Outsourcing Authority Control: Experience of the University of Saskatchewan Libraries,” **Cataloguing & Classification Quarterly**, tập 32, số 4, tr. 53-69.
2003. “Canadian National Site Licensing Project: Getting Ready for CNSLP at the University of Saskatchewan Library,” **Serials Librarian**, tập 43, số 3, tr. 39-57.
2004. “A Web-based Database of CIA Declassified Documents on the Vietnam War,” **Online**,_tập 28, số 4, tr. 31-35.
2005. “Quality Control Issues in Outsourcing Cataloging in US and Canadian Academic Libraries,” **Cataloging & Classification Quarterly**, tập 40, số 1, tr. 101-122.

2007. “Error Rates in Monograph Copy Cataloging Bibliographic Records and After Outsourcing at the University of Saskatchewan Library,” **Cataloging & Classification Quarterly**, tập 44, số ¾, tr. 213-220.

Những Bài Thuyết Trình Tại Các Hội Nghị

1998. Library Development in Vietnam: Urgent Needs for Standardization. Thuyết trình tại **Hội Nghị Quốc Tế NIT’98** (NIT’98: 10th International Conference on New Information Technology, Hanoi, Vietnam, March 24-26).
1999. Organizational and Technical Issues in Providing Access to Electronic Journals, thuyết trình tại **Hội Nghị Thường Niên của Hội Thông Tin Học Hoa Kỳ (American Society for Information Science (ASIS) Annual Conference**, Washington, D.C., October 31-November 4, 1999, như một phần của phiên họp về “Knowledge Organization and Use as Viewed by Caregivers (Aka Librarians)”.
2000. Creation, Organization and Use of Recorded Information on Overseas Vietnamese Experience, thuyết trình tại **Hội Nghị “The Overseas Vietnamese Experience Conference”**, Vietnam Center, Đại Học Texas Tech (Vietnam Center, Texas Tech University), Lubbock, Texas, March 31-April 1, 2000.
2004. Quality Control Issues in Outsourcing Cataloging in US and Academic Libraries, thuyết trình tại **Phiên Hợp Khoáng Đại của Khối Dịch Vụ Kỹ Thuật của Hội Nghị Thường Niên của Hội Thư Viện Canada** (Technical Services Interest Group Annual General Meeting, Canadian Library Association Annual Conference, Victoria, British Columbia, June 17, 2004).
2005. A Web-Based Online Database for CIA Declassified Documents on the Vietnam War, thuyết trình tại **Phiên Hợp Lần Thứ 5 của Hội Nghị Ba Năm Một :Lần Về Chiến Tranh Việt Nam** (5th Triennial Symposium on the Vietnam War), Vietnam Center, Texas Tech University, Lubbock Texas, U.S.A., March 19, 2005.

Những Đóng Góp Đặc Biệt ^[6]

“Sau khi tôi thăng cấp lên bậc cao nhất trong Thư Viện là QTTV Bậc IV (Librarian IV), tôi đã có được ba cơ hội để thực hiện được những đóng góp rất đặc biệt.

Cơ hội đầu tiên xảy đến vào tháng 3-2002 khi tôi nhận được văn thư của Giáo sư Tonya Wirchenko, Giám Đốc Chương Trình Cao Học của Viện Đại Học Saskatchewan, mời tôi tham gia với tư cách Giám Khảo Ngoại Khoa (External Examiner) vào kỳ thi bảo vệ Luận Án Cao Học của

thí sinh Fulai Wang, sinh viên cao học của Khoa Điện Toán (Department of Computer Science) với đề tài *“Evaluation of Methods for Retrieval of Short Documents.”*

Cơ hội thứ nhì đến vào tháng 1-2003 khi tôi nhận được văn thư của Tiến sĩ Frits Pannekoek, Giám Đốc, Tài Nguyên Thông Tin, Viện Đại Học Calgary, mời tôi tham gia với tư cách là một Giám Định Viên Ngoại Viện (External Referee) trong tiến trình duyệt xét vào biên chế cho Bà Mary McConnell, Trưởng Ban Dịch Vụ Thư Tịch, Xử Lý Thường Vụ Phó Giám Đốc, Khối Dịch Vụ Thủ Đắc và Kỹ Thuật, Thư Viện Đại Học Calgary.

Cơ hội thứ ba đến vào Hè năm 2004. Sau khi nghỉ phép để làm nghiên cứu trở về, tôi nhận được văn thư của Trung Tâm Nghiên Cứu Đại Bình Nguyên Canada (Canadian Plains Research Centre) thuộc Viện Đại Học Regina (University of Regina), mời tham gia viết một bài về cộng đồng Người Việt tại tỉnh bang Saskatchewan cho Bộ Từ Điển Bách Khoa của Tỉnh Bang Saskatchewan (Encyclopedia of Saskatchewan). Tôi đã nhận lời mời này và bài viết của tôi, *Vietnamese Community*, đã được đăng tại các trang 988-989, với những đoạn văn như sau

“As in other Canadian provinces, thousands of Vietnamese refugees came to settle in Saskatchewan during the late 1970s and early 1980s... A large majority of them now live in Regina and Saskatoon. The 2001 Census recorded a total of 1,870 Saskatchewan residents with country of origin as Vietnam, among whom 915 resided in Regina and 770 in Saskatoon. Over the years, the Vietnamese-Canadians have rebuilt their lives and have created community organizations and built places of worship that reflect their cultural origins... The once “Boat People” and their children, the second-generation Vietnamese-Canadians of Saskatchewan, are now making significant contributions to the province’s workforce as business people, educators, engineers, doctors, nurses, and pharmacists.” [7]

(Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *“Cũng như tại các tỉnh bang khác của Canada, hàng ngàn người tỵ nạn Việt Nam đã đến định cư tại Saskatchewan trong thời gian cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980... Hiện nay, phần lớn họ sinh sống tại hai thành phố Regina và Saskatoon. Thống Kê Dân Số năm 2001 ghi nhận một tổng số là 1.870 cư dân Saskatchewan với quốc gia gốc là Việt Nam, trong số đó có 915 người sống tại Regina và 770 người sống tại Saskatoon. Trải qua nhiều năm, những người Canada gốc Việt đã xây dựng lại đời sống của họ, và đã tạo ra những hội đoàn cộng đồng và những nơi thờ phượng của họ phản ánh nền văn hóa gốc của họ... Những “Thuyền Nhân” của ngày trước và con cái của họ, những công dân Canada gốc Việt của thế hệ thứ hai, ngày nay đang có những đóng góp rất đáng kể vào lực lượng lao động của tỉnh bang với tư cách là các doanh nhân, thầy cô giáo, kỹ sư, bác sĩ, y tá, và dược sĩ.”* “

Thay Lời Kết

Duyên lành do Ông Trên sắp xếp đã giúp tôi, hoàn toàn không có một tính toán nào trước cả, chuyển từ việc dạy học sang làm công tác thư viện. Nhờ đó tôi đã nhận được một học bổng đi du học hai năm tại một trong những trường đại học danh tiếng của Hoa Kỳ và tốt nghiệp với mảnh bằng Cao Học về Thư Viện Học (Master of Library Science = MLS). Nhờ mảnh bằng này được cả 2 hội thư viện của Hoa Kỳ và Canada công nhận, tôi đã

có được cơ hội để trở lại nghề chuyên môn và làm lại sự nghiệp khi đi định cư tại Canada vào năm 1981. Những năm phục vụ (1997-2006) tại Thư Viện của Trường Đại Học Saskatchewan của Canada, lúc đầu là Trưởng Ban Biên Mục (Head, Cataloguing Department, 1997-2000), về sau thăng cấp lên Trưởng Khối Dịch Vụ Kỹ Thuật (Head, Technical Services Division, 2000-2003), đã giúp tôi đạt đến đỉnh cao của nghề Thư Viện. Sau cùng, khi nghỉ hưu vào năm 2006, tôi đã được Hội Đồng Quản Trị của Viện Đại Học Saskatchewan ban cho Danh hiệu Librarian Emeritus qua văn thư thông báo chính thức sau đây của Tiến Sĩ Jim Germida, Vice-Provost:



September 21, 2006

Mr. Vinh-The Lam
585 Britannia Avenue
Hamilton, Ontario
L8H 2A3

Dear Mr. Lam:

As part of the implementation of the new guidelines for Librarian Emeritus/Emerita, I am writing to inform you that the guidelines now apply retroactively to all permanent status/tenured Librarian IV's who have retired since 2000. The Board of Governors approved the new guidelines at its June 23, 2006 meeting. You have now received the honorary title of Librarian Emeritus.

Sincerely yours,

Jim Germida, Ph.D.
Vice-Provost

GHI CHÚ:

1. Lâm Vĩnh-Thế. **Chị Hai của tôi**, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://petruskyaus.net/chi-hai-cua-toi-lam-vinh-the/>
2. Lâm Vĩnh-Thế. **Hai trải nghiệm “Tái Ông Thất Mã,”** tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: [Tuyển tập Vĩnh Nhơn Lâm Vĩnh Thế: Hai Trải Nghiệm “Tái Ông Thất Mã” \(tuyen-tap-vinh-nhon-lam-vinh-the.blogspot.com\)](http://tuyen-tap-vinh-nhon-lam-vinh-the.blogspot.com)
3. Lâm Vĩnh-Thế. **Tròn nhiệm vụ: hồi ký của một quản thủ thư viện Canada gốc Việt**. San Jose, California: Nhân Ảnh, 2021, tr. 130-133.
4. Vinh-The Lam, “Outsourcing Authority Control: Experience of the University of Saskatchewan Libraries,” *Cataloguing & Classification Quarterly*, v. 32, no. 4 (2001), pp. 53-69.
5. Lâm Vĩnh-Thế. **Tròn nhiệm vụ: hồi ký của một quản thủ thư Viện Canada gốc Việt**, sđd, tr. 134.
6. Lâm Vĩnh-Thế. **Tròn nhiệm vụ: hồi ký của một quản thủ thư Viện Canada gốc Việt**, sđd, tr. 160-162.

- [7.](#) Vinh-The Lam. Vietnamese Community, trong ***The Encyclopedia of Saskatchewan***, do Nhà Xuất bản Canadian Prairie Research Centre của Viện Đại Học Regina xuất bản năm 2005, tr. 988-989.